TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU K** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27 -11- 2018
V/v Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU K, TỈNH TRÀ VINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Tuấn

2. Bà Trần Thị Thúy Phượng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Thị Hòa Xuân là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Cầu K, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cầu K, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Thạch Tha là Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Cầu K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 247/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2018/QĐST– HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1982. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã Phong Thạnh, huyện Cầu K, tỉnh Trà Vinh.

-*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã Phong Thạnh, huyện Cầu K, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án bà Nguyễn Thị K là nguyên đơn trình bày:

Bà K và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Cần, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống bà Kim và ông Toản có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2002 (hiện đang sống chung với bà K) và Nguyễn Minh T, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2006 (hiện đang sống chung với ông Nguyễn Văn T).

Nguyên nhân yêu cầu ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, vợ chồng không còn hạnh phúc nên đã không còn chung sống với nhau từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay.

Về quan hệ hôn nhân: Bà K yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Theo đơn khởi kiện bà K yêu cầu nuôi 02 con tên Nguyễn Thị Thanh Tr và Nguyễn Minh T, bà K yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Nay bà K chỉ yêu cầu nuôi con tên Nguyễn Thị Thanh Tr và bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bà K đồng ý giao con chung tên Nguyễn Minh T cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và bà K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà K khai vợ chồng bà không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn T là bị đơn vắng mặt nhưng có lời khai như sau:

Ông T thống nhất với bà K về thời gian chung sống, thời điểm kết hôn, trong quá trình chung sống có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Thanh Tr và Nguyễn Minh T. Riêng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có xảy ra bất hòa, ngày 20 tháng 11 năm 2015 bà K tự ý bỏ nhà đi cho đến nay không trở về cùng chung sống với ông và các con.

Về quan hệ hôn nhân: Ông T vẫn còn tình cảm với bà K, mong muốn được đoàn tụ cùng nuôi dạy con nên ông không đồng ý ly hôn với bà K.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh Tr và Nguyễn Minh T và ông T không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T khai vợ chồng không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Nguyễn Thị Thanh Tr là con chung của bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn T trình bày*:** Khi cha mẹ ly hôn Thanh Tr có nguyện vọng sống với bà Nguyễn Thị K.

Nguyễn Minh T là con chung của bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn Toản trình bày: Khi cha mẹ ly hôn Minh T có nguyện vọng sống với ông Nguyễn Văn T.

Quan điểm của vị đại diện Viện Kiểm sát: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với bà Nguyễn Thị K từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập đến Tòa án nhiều lần nhưng vắng mặt nên chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K. Cho bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2002 cho bà Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2006 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị K với ông Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị K với ông Nguyễn Văn T khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự,Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp quy định pháp luật.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn T chung sống có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị K yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T với lý do vợ chồng không có sự quan tâm, yêu thương, giúp đỡ nhau, thường xuyên cự cãi và hiện không còn chung sống với nhau. Đối với ông Nguyễn Văn T có lời khai thừa nhận vợ chồng có xảy ra bất hòa, bà K tự ý bỏ nhà đi và không chung sống với ông nhưng ông T không đồng ý ly hôn mà yêu cầu được đoàn tụ.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị K, Hội đồng xét xử thấy rằng bà K và ông T đều thống nhất đời sống vợ chồng có xãy ra mâu thuẫn dẫn đến không còn chung sống với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện cuộc sống hôn nhân của bà K với ông T có nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng sống không hạnh phúc. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn giữa bà K với ông T đã xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà K yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận.

[3]Về con chung: Tại phiên tòa bà Kim yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2002 và đồng ý giao con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2006 cho ông Nguyễn Văn T nuôi. Xét nguyện vọng của con chung và điều kiện thực tế hiện nay, để ổn định về tâm lý và điều kiện sinh hoạt, học tập của con chung, cần giao Nguyễn Thị Thanh Tr cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng, giao Nguyễn Minh T cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích quy định của pháp luật về việc người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng bà K và ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[4]Về tài sản chung: Bà K và ông T không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà K và ông T khai không có nợ ai nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5]Về án phí: Xét thấy cần buộc bà Nguyễn Thị K phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của vị Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Nguyễn Văn T

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2002 cho bà Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2006 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị K với ông Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị K với ông Nguyễn Văn T khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0018019 ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu K. Bà K đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án;tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Cầu K;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện Cầu K;
- UBND xã Phú Cần, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh;
- Đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Tùng